

THÔNG BÁO

Kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 05-06/8/2026

Ngày 05-06/8/2026, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên thông báo kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài kỳ thi ngày 05-06/8/2026 (chi tiết xem tại địa chỉ: <http://civt.tnue.edu.vn/xem-diem-thi>).

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên chỉ nhận đơn đề nghị phúc khảo từ ngày 12/8/2026 đến hết ngày 21/8/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc) tại địa chỉ: Phòng A1-103, Nhà A1, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Lệ phí phúc khảo: 50.000 đồng/01 bài thi (chỉ nhận đơn và lệ phí trực tiếp theo địa chỉ trên).

Thông tin chi tiết xin liên hệ với cô Nguyễn Thị Thu Hằng theo số điện thoại: 0985.500.945./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để ph/hợp ch/đạo);
- TT HTQT-ĐTTV (để th/h);
- Website trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT (2).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường

KẾT QUẢ

**Thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
kỳ thi ngày 05-06/08/2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHSP, ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Nghe	Đọc	Nói	Viết	Điểm TB	Quy đổi năng lực
1.	263001	P 3124533	SOUKCHALERN AMPHAVAN	08/09/2005	Nam	Lào	6.50	4.50	4.00	4.00	5.00	B1
2.	263002	11412463	ABBAS ABDULLAH FAISAL ABDO OTHMAN	04/02/2004	Nam	Yemen	7.00	7.00	6.00	5.50	6.50	B2
3.	263003	P 3363662	MAITHONE AM	05/10/1996	Nam	Lào	4.00	4.50	6.50	5.00	5.00	B1
4.	263004	P 2968703	VANNAPHOUM ANANXAY	23/12/2007	Nam	Lào	8.00	9.50	9.00	8.00	8.50	C1
5.	263005	P 3399797	XAIYAKET ARNON	22/02/2008	Nam	Lào	5.00	5.50	6.50	6.50	6.00	B2
6.	263006	P 2995164	CHOUNLAMANY ATHITTAYA	13/06/2004	Nam	Lào	6.00	6.50	6.00	6.00	6.00	B2
7.	263007	PA 0579603	SIVIXAY BOUNTOM	14/10/2008	Nam	Lào	9.00	8.50	7.00	8.50	8.50	C1
8.	263008	P 3366795	KHAMKHOUN BOUNXAY	30/04/2008	Nam	Lào	8.00	9.50	9.50	6.00	8.50	C1
9.	263009	P 2487627	SATSADY BOUNXOU	06/09/2010	Nam	Lào	8.00	8.50	9.50	4.50	7.50	C1
10.	263010	P 2856972	MANISENG BOUNYASENG	08/12/2007	Nam	Lào	5.50	6.00	6.50	7.00	6.50	B2
11.	263011	P 3099062	INTHAVONGSA BOUNYAVETH	25/12/2007	Nam	Lào	6.50	7.50	9.00	8.50	8.00	C1
12.	263012	P 2760967	KHANSILA CHANTHANOME	01/10/2008	Nam	Lào	8.50	8.00	9.00	6.00	8.00	C1

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Nghe	Đọc	Nói	Viết	Điểm TB	Quy đổi năng lực
13.	263013	RV0200953	KAWO DALIANA MATANSUWE	15/12/2004	Nữ	Vanuatu	6.50	8.00	7.00	7.00	7.00	B2
14.	263014	RV0154935	KITION DARYL	15/12/2002	Nam	Vanuatu	5.50	8.00	9.00	7.00	7.50	C1
15.	263015	P 3415535	PHANTHAVONG DAVANH	20/05/2007	Nam	Lào	5.00	7.50	5.00	3.00	5.00	B1
16.	263016	P0474368	DICKOWITA KANKANAMGE DILAN LAKSHITHA	27/07/1998	Nam	Sri Lanka	4.50	6.00	4.00	8.50	6.00	B2
17.	263017	RV0156916	KARAE DUNN NATUMAN	22/03/2002	Nam	Vanuatu	7.00	6.00	5.50	4.50	6.00	B2
18.	263018	RV0177442	RAMOIA GEORGE	11/09/2000	Nam	Vanuatu	5.00	4.50	5.50	8.00	6.00	B2
19.	263019	PA 0500092	SIPASEUTH KAPHET	27/04/2007	Nam	Lào	3.50	4.00	3.50	5.00	4.00	B1
20.	263020	PA 0499847	VONGSAIYA KHAMHOUNG	30/08/2006	Nam	Lào	6.50	6.00	9.00	5.00	6.50	B2
21.	263021	PA 0499851	CHANTHAPHONE KHAMXAY	11/11/2007	Nam	Lào	5.50	6.00	7.00	6.00	6.00	B2
22.	263022	P 3302478	XANESAVANG LATSAMY	24/11/2007	Nữ	Lào	8.00	7.50	9.00	9.50	8.50	C1
23.	263023	P 3363023	OUNNALATH LATTANA	13/03/2007	Nữ	Lào	6.00	5.50	7.50	7.00	6.50	B2
24.	263024	P 3302455	SOULIYAVONG LINLY	31/05/2007	Nữ	Lào	7.00	7.50	8.00	8.50	8.00	C1
25.	263025	RV0198675	RIHAI LOUIS TARIWALE	09/11/2005	Nam	Vanuatu	6.00	7.00	7.00	7.00	7.00	B2
26.	263026	P 3364497	SENGSOUKSOULIYA LOUN	13/03/2006	Nam	Lào	7.50	7.50	9.00	8.00	8.00	C1
27.	263027	P 2847897	YATHORTOU MENG	08/07/2000	Nam	Lào	6.50	5.50	3.00	6.00	5.50	B1
28.	263028	RV0186542	MOLKAS MERVYNE	04/4/2006	Nữ	Vanuatu	6.00	8.00	9.00	6.00	7.50	C1
29.	263029	P 2695238	PASITTHIPHONE MIXAI	19/11/2007	Nam	Lào	7.00	7.00	9.00	6.50	7.50	C1

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Nghe	Đọc	Nói	Viết	Điểm TB	Quy đổi năng lực
30.	263030	AB1830592	AIÚBA	NAUCHADE MOMADE	03/12/2006	Nam	Mô-dăm-bích	5.50	6.50	9.00	7.50	7.00	B2
31.	263031	P 3309926	OUDOMCHANH	NAVIN	10/12/2007	Nam	Lào	9.50	9.00	9.00	8.50	9.00	C2
32.	263032	N01608287	KIM	NORIDH	17/11/2007	Nam	Campuchia	6.50	7.00	8.00	6.00	7.00	B2
33.	263033	P 3309262	SOUTTHIPHANH	PINYAH	01/03/2007	Nữ	Lào	6.50	7.00	4.50	7.00	6.50	B2
34.	263034	PA 0372567	SIBOUNHEUANG	PHANOUSITH	29/10/2003	Nam	Lào	7.50	6.50	8.50	7.50	7.50	C1
35.	263035	P 2543714	PHIMMASONE	PHETTHANASONE	03/05/2010	Nam	Lào	8.50	8.00	9.50	5.00	8.00	C1
36.	263036	P 3407989	XAIPHILA	PHONECHAI	13/07/2008	Nữ	Lào	4.50	5.00	8.00	6.50	6.00	B2
37.	263037	P 3337620	KEANPASERT	PHONGSATHONE	13/05/1993	Nam	Lào	6.00	4.50	2.50	5.50	4.50	B1
38.	263038	P 3259322	PATHOUMVANH	PHOUDTHASIT	05/01/2004	Nam	Lào	4.50	6.00	6.00	3.50	5.00	B1
39.	263039	P 3370703	PHICHITH	SINGANIN	05/02/2007	Nữ	Lào	6.00	9.50	8.50	7.00	8.00	C1
40.	263040	P0469315	DIKMADUGODAGE	SITHIJA SULAKSHANA	17/03/2004	Nam	Sri Lanka	6.50	7.50	5.00	7.50	6.50	B2
41.	263041	P 2760149	SIPHONXAY	SOKXAY	21/11/2006	Nam	Lào	6.00	4.50	3.50	5.00	5.00	B1
42.	263042	P 2469708	SIHAVONG	SOMLIKHITH	20/10/2007	Nam	Lào	5.00	5.00	5.50	5.00	5.00	B1
43.	263043	P 2715971	VONGXAY	SOUKPHANSA	09/02/2007	Nữ	Lào	6.50	6.00	8.50	6.50	7.00	B2
44.	263044	P 3197971	MALAPHANH	SOUKPHAPHONE	01/12/2006	Nữ	Lào	7.00	6.50	8.00	8.00	7.50	C1
45.	263045	P 2769069	KEOVILAY	SOUKSAVANH	03/06/2006	Nam	Lào	4.50	5.50	7.00	5.00	5.50	B1
46.	263046	P 3041344	SOULIVONG	SOUVANNASONE	15/11/2007	Nam	Lào	7.00	6.00	9.50	7.50	7.50	C1

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Nghe	Đọc	Nói	Viết	Điểm TB	Quy đổi năng lực
47.	263047	P 3413920	IYA TOUY	10/02/2008	Nữ	Lào	4.00	3.00	3.50	5.50	4.00	B1
48.	263048	P 3344212	CHANSODA THAK	17/01/2007	Nam	Lào	4.50	3.00	3.50	5.00	4.00	B1
49.	263049	P 3044425	SOLANGKOUNE THAVIKHOUN	02/02/2007	Nam	Lào	8.00	7.00	9.00	6.50	7.50	C1
50.	263050	P 3362941	LOVONGSA THAVISONE	27/12/2007	Nam	Lào	8.00	8.00	9.00	8.00	8.50	C1
51.	263051	P 3061229	SENGSOULIVONG THEPPHAXAY	14/08/2007	Nam	Lào	6.50	7.00	8.50	7.00	7.50	C1
52.	263052	P 3119329	XIENGMANH THEPPHITHACK	20/02/2006	Nam	Lào	6.00	8.00	9.00	6.00	7.50	C1
53.	263053	P 3026471	SILISENG THIPPHAVONE	13/12/2007	Nữ	Lào	5.00	5.00	4.00	7.50	5.50	B1
54.	263054	P0540280	DHAMMAGE VIDUKA GIMHANA	29/06/2005	Nam	Sri Lanka	5.50	6.50	8.00	8.00	7.00	B2
55.	263055	PA 0504663	KETTAVONG VONGSAVANH	10/09/2007	Nam	Lào	6.50	7.50	7.50	7.00	7.00	B2
56.	263056	RV0194953	TATE WILLIE CAMIE ALATANGWAEVA	23/05/2005	Nam	Vanuatu	4.50	5.50	5.00	9.00	6.00	B2
57.	263057	P 3302285	SAYTHONG IN XAYXANA	02/08/2007	Nam	Lào	8.00	8.00	8.00	6.50	7.50	C1
58.	263058	P0465945	RANAWEERA YASHORA OSHADEE	08/05/2004	Nữ	Sri Lanka	6.50	8.00	8.00	9.00	8.00	C1

Ấn định danh sách: 58 thí sinh./.